

KẾT QUẢ SO SÁNH MỘT SỐ GIỐNG LẠC CÓ TRIỂN VỌNG TRONG VỤ XUÂN 2009 TRÊN ĐẤT MỘT VỤ TẠI HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SON

Nguyễn Việt Hưng*, Trần Ngọc Ngoạn, Nguyễn Thế Hùng

Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Kết quả so sánh một số giống lạc có triển vọng trong vụ xuân 2009 trên đất một vụ tại huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn cho thấy thời gian sinh trưởng của các giống lạc dao động từ 107 ngày đến 112 ngày. Khả năng chống chịu sâu bệnh của các giống lạc được trồng vụ xuân tương đối tốt (bệnh héo xanh gây chết 1,76% - 2,89%, rệp hại lá 8,56%-12,67% cây bị hại). Năng suất lạc dao động từ 31,4tạ/ha đến 35,4tạ/ha trong đó giống TB25 có năng suất cao nhất đạt 35,4 tạ/ha.

Từ khóa: *Giống lạc; vụ xuân, đất một vụ; khả năng chống chịu; thời gian sinh trưởng.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây lạc ở Việt Nam đang được chú trọng phát triển về diện tích, năng suất và sản lượng tăng một cách rõ rệt so với những năm trước đây tuy nhiên năng suất trung bình giữa các vùng còn có sự chênh lệch nhau nhiều trong đó có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là chưa có bộ giống có năng suất cao, phẩm chất tốt thích ứng với điều kiện tự nhiên của từng vùng. Vì thế vấn đề đặt ra là phải chọn được những giống lạc có năng suất cao phẩm chất tốt thích ứng cho từng vùng của mỗi địa phương.

VẬT LIỆU NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu: gồm 05 giống lạc L23, A09, TB25, MD9 và giống lạc Đò Bắc Giang làm đối chứng

Địa điểm và thời gian tiến hành

- Địa điểm: Thí nghiệm được tiến hành tại Huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn.

- Thời gian nghiên cứu: vụ xuân 2009 từ 2/2009 - 6/2009

Nội dung nghiên cứu

So sánh và đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu của một số chỉ tiêu sinh lý, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lạc trong vụ xuân 2009.

Phương pháp bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu ngẫu nhiên hoàn chỉnh gồm: 5 công thức và 3 lần nhắc lại

- Diện tích mỗi ô thí nghiệm là : 2m x 7,5m = 15m²

- Tổng ô thí nghiệm: 15

- Diện tích toàn ô thí nghiệm 15 ô x 15m² = 225m² (không kể rãnh và lối đi xung quanh có hành lang bảo vệ).

Quy trình kỹ thuật

Quy trình kỹ thuật, các chỉ tiêu theo dõi và phương pháp theo dõi tuân thủ theo quy phạm khảo nghiệm giống lạc của Trung tâm Giống cây trồng Trung ương.

Các chỉ tiêu nghiên cứu và phương pháp theo dõi

- Các chỉ tiêu nghiên cứu và phương pháp theo dõi tuân thủ theo phương pháp thí nghiệm hiện hành.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của các giống lạc thí nghiệm vụ xuân 2009

Kết quả theo dõi các thời kỳ sinh trưởng phát triển của các giống lạc thí nghiệm được thể hiện qua bảng 1.

Qua số liệu bảng 1 cho thấy tỷ lệ nảy mầm của các giống lạc dao động từ 91 đến 95,1%. Cao nhất là giống lạc A09 tỷ lệ nảy mầm đạt tới 95,1% cao hơn so với giống đối chứng Đò Bắc

* Tel: 0912.386.574

Giang là 4.1%. Thấp nhất là TB25 giống này có tỷ lệ này mầm thấp hơn giống đối chứng 0,5%.

Thời gian gieo đến mọc của các giống lạc dao động từ 15 - 18 ngày. Giống mọc sớm nhất A09 là 15 ngày sớm hơn giống đối chứng 3 ngày. Các giống còn lại đều mọc sớm hơn giống đối chứng 1 - 2 ngày.

Thời gian phân cành của các giống MD9 là 26 ngày, L23 là 25 ngày, TB25 là 25 ngày đều sớm hơn giống đối chứng.

Thời gian ra hoa của các giống lạc tham gia thí nghiệm dao động từ 46 - 49 ngày giống A09 ra hoa sớm nhất 46 ngày so với giống đối chứng là 3 ngày còn giống MD9 là 48 sớm hơn giống đối chứng 1 ngày. Giống L23 ra hoa cùng ngày với giống đối chứng là 49 ngày.

Thời gian từ khi gieo đến vào chắc dao động từ 85 - 87 ngày, giống đối chứng vào chắc sớm nhất là 85 ngày, giống muộn nhất là L23 và MD9 muộn so với giống đối chứng 2 ngày. Giống A09 và TB25 muộn hơn 1 ngày so với giống đối chứng.

Thời gian sinh trưởng của các giống lạc dao động từ 107 - 112 ngày. Trong đó giống Đò Bắc Giang (đ/c) có thời gian sinh trưởng ngắn nhất 107 ngày. Giống có thời gian sinh trưởng dài nhất là A09 (112 ngày) các giống L23, MD9, TB25 có thời gian sinh trưởng lần lượt là 110 ngày, 109 ngày, dài hơn so với giống đối chứng 1 - 3 ngày.

Kết quả nghiên cứu về hình thái của các giống lạc được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển của các giống lạc thí nghiệm vụ xuân 2009 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

TT	Giống	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Thời gian từ gieo đến.....				Thời gian sinh trưởng (ngày)
			Mọc (ngày)	Phân cành (ngày)	Ra hoa (ngày)	Vào chắc (ngày)	
1	Đò Bắc Giang (đ/c)	91	18	27	49	85	107
2	MD9	92.3	17	26	48	87	109
3	L23	93.6	16	25	49	87	110
4	TB25	90.5	17	25	48	86	109
5	A09	95.1	15	24	45	86	112

Bảng 2. Một số chỉ tiêu hình thái của các giống lạc thí nghiệm vụ xuân 2009 tại huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn

TT	Giống lạc	Chiều cao cây		Số cành /cây(cành)	
		(cm)	Độ tin cậy	Cấp I	CấpII
1	Đò Bắc Giang (đ/c)	44,1	-	5,6	1,4
2	MD9	44,6	ns	5,1	1,4
3	L23	39,4	ns	5,4	1,7
4	TB25	34,7	*	4,6	1,4
5	A09	45,8	ns	4,6	2,3
	CV%	4,5			
	LSD ₀₅	3,51			

Qua số liệu bảng 2 ta thấy chiều cao trung bình của các giống dao động từ 34,7-45,8cm. Tiêu biểu có giống A09 có chiều cao lớn nhất là 45,8 cm cao hơn giống đối chứng 1,7 cm. Các giống L23, TB25, có chiều cao lần lượt là 39,4 cm; 34,7 cm thấp hơn so với giống đối chứng. Đối với giống MD9 cao 44,6 cm thì cao hơn giống đối chứng.

Khả năng phân cành cấp I của các giống tham gia thí nghiệm dao động từ 4,6 - 5,6 cành. Giống có khả năng phân cành thấp nhất là A09, TB25 đều có 4,6 cành cấp I thấp hơn so với giống đối chứng I cành/cây. Đối với các giống MD9, L23 có số cành tương đương với giống đối chứng là 5,6 cành.

Khả năng phân cành cấp II của các giống tham gia thí nghiệm dao động từ 1,4 - 2,3 cành/cây, giống phân cành nhiều nhất là A09 (2,3 cành/cây) tiếp đó là giống L23 số cành cấp 2 cao hơn đối chứng. Còn các giống còn lại MD9, TB25 có số cành cấp II bằng đối chứng (1,4 cành/cây).

Kết quả nghiên cứu khả năng tạo nốt sần của cây lạc được thể hiện ở bảng 3.

Qua số liệu bảng 3 cho ta thấy :

+ Thời kỳ hoa rộ số lượng nốt sần hữu hiệu của các giống lạc tham gia thí nghiệm dao động từ 66,7- 87,1 cái/cây và khối lượng đạt 0,18 - 0,23 g/cây. Giống đối chứng (Đò Bắc Giang) có số nốt sần ít nhất, đạt 66,7 cái trên cây và khối lượng là 0,18g/cây. Giống có số

nốt sần nhiều nhất là A09 có 87,1 cái/cây. khối lượng đạt 0,23g/cây cao hơn so với giống đối chứng.

+ Thời kỳ vào chác: Số lượng nốt sần hữu hiệu của các giống lạc dao động từ 99,2 - 117,1 cái/cây, khối lượng đạt 0,71- 0,79 g/cây. Các giống L23, TB25, MD9 đều có số nốt sần và khối lượng nốt sần cao hơn so với giống đối chứng (Đò Bắc Giang) và lần lượt đạt 101,1 cái/cây; 106,5 cái/cây; 112,2 cái/cây, khối lượng đạt 0,79 g/cây; 0,73 g/cây; 0,76 g/cây. Riêng giống lạc A09 có số lượng nốt sần lớn nhất đạt 117,1 cái/cây khối lượng đạt 0,78 g/cây cao hơn so với giống đối chứng 17,9 cái/cây.

Kết quả nghiên cứu tình hình sâu bệnh hại các giống lạc được thể hiện ở bảng 4.

Qua số liệu bảng 4 ta thấy: Bệnh héo xanh gây chết 1,76 - 2,89%. Trong đó giống MD9 bị hại nặng nhất với số cây chết là 2,89% cao hơn so với giống đối chứng 1,13%. Các giống L23, TB25, A09, có số cây bị chết là 2,03%, 2,77%, 2,82%. Riêng với giống đối chứng Đò Bắc Giang có số cây bị bệnh ít nhất 1,76%.

Bệnh hại: Các giống tham gia thí nghiệm đều bị nhiễm bệnh nhưng rất ít, được đánh giá ở thang điểm 2 - 3. Giống bị hại nhẹ nhất là giống đối chứng (Đò Bắc Giang).

Kết quả nghiên cứu các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lạc được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 3. Khả năng tạo nốt sần của các giống lạc tham gia thí nghiệm trong vụ xuân tại huyện Hữu Lũng- tỉnh Lạng Sơn

T T	Giống lạc	Thời kỳ ra hoa rộ			Thời kỳ vào chác		
		Số lượng		Khối lượng (g/cây)	Số lượng		Khối lượng (g/cây)
		Cái/cây	Độ tin cậy		Cái/cây	Độ tin cậy	
1	Đò Bắc Giang (đ/c)	66,7	-	0,18	99,2	-	0,71
2	MD9	80,9	*	0,23	112,2	ns	0,76
3	L23	83,3	*	0,21	101,1	ns	0,79
4	TB25	76,3	ns	0,19	106,5	ns	0,73
5	A09	87,1	*	0,23	117,1	ns	0,78
	CV%	6,8			15,7		
	LSD ₀₅	12,7			31,6		

Bảng 4. Tình hình sâu bệnh hại của lạc thí nghiệm vụ xuân 2009 tại huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn

TT	Giống	Bệnh héo xanh (% chết)	Bệnh hại lá từ 1-9 xác định theo thang điểm	Rệp hại lạc (% cây bị hại)	Sâu đục quả (% quả bị hại)
1	Đò Bắc Giang (đ/c)	1.76	2	9.23	19.6
2	MD9	2.89	3	12.67	13.5
3	L23	2.03	3	8.86	20.3
4	TB25	2.77	3	11.11	18.2
5	A09	2.82	3	8.56	22.0

(Ghi chú điểm từ 1, điểm xấu 9)

Bảng 5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lạc thí nghiệm trong vụ xuân 2009 tại huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn

TT	Giống lạc	Số quả chắc/cây quả	Khối lượng 100 quả (g)	Khối lượng 100 hạt (g)	Tỷ Lệ nhân (%)	Năng suất lý thuyết (ta/ha)	Năng suất thực thu (ta/ha)
1	Đò Bắc Giang (đ/c)	11.7	112.9	56.2	76.7	44.1	31.4
2	MD9	9.9 ^{ns}	151.3 [*]	68.1	71.9	44.9 ^{ns}	32.4 ^{ns}
3	L23	9.5 ^{ns}	153.9 [*]	68.9	68.5	48.9 [*]	34.9 [*]
4	TB25	6.8 [*]	214.9 [*]	65.4	70.2	48.5 [*]	35.4 [*]
5	A09	8 [*]	173.2 [*]	77.9	77.8	46.3 [*]	32.4 ^{ns}
	CV%	0.54	1.2			2.5	2.5
	LSD ₀₅	3.2	3.5			2.2	1.5

Qua số liệu bảng 5: Cho thấy số quả chắc của lạc tham gia thí nghiệm dao động từ 6.8 - 11,7 quả/cây. Giống thấp nhất là TB25 với số quả chắc trung bình là 6.8 quả/cây thấp hơn giống đối chứng 4.9 quả/cây nhưng khối lượng quả lớn nên năng suất đạt cao nhất so với các giống cùng tham gia thí nghiệm. Đối với các giống A09, L23, MD9 thì số quả chắc ở mức trung bình lần lượt đạt 8,9 quả chắc/cây, 9,5 quả chắc/cây, 9,9 quả chắc/cây đều thấp hơn giống đối chứng.

Khối lượng 100 quả chắc của các giống tham gia thí nghiệm dao động từ 112,9 - 214,9 g. Khối lượng nhẹ nhất là giống đối chứng Đò Bắc Giang chỉ đạt 112,9 g trên 100,0 quả. Giống L23 đạt 153,9 g cao hơn giống đối chứng 41g. Riêng đối với giống TB 25 thì khối lượng 100 quả rất lớn đạt 214,9 g cao hơn giống đối chứng Đò Bắc Giang 102,0 g.

Khối lượng 100 hạt của các giống lạc tham gia thí nghiệm dao động từ 56,2 g - 77,9 g giống có khối lượng hạt cao nhất là giống lạc A09 đạt 77,9 g, các giống MD9 đạt 68,1 g giống L23 đạt 68,9 g còn giống TB25 đạt 68,5 g. Thấp nhất là giống lạc đối chứng đạt 56,2 g nhìn chung các giống đạt khối lượng hạt rất tốt.

Tỷ lệ nhân của các giống lạc tham gia thí nghiệm dao động từ 68,6 - 77,8% giống có tỷ lệ nhân cao nhất là giống A09 đạt 77,8% cao hơn giống đối chứng Đò Bắc Giang (76,7%) là 1,1%, giống thấp nhất L23 đạt 68,6% thấp hơn so với giống đối chứng 8,1% các giống còn lại MD9, TB25 lần lượt đạt 71,9%, 70,2%.

Năng suất lý thuyết phản ánh tiềm năng của các giống trong từng điều kiện cụ thể. qua bảng 6 cho ta thấy năng suất lý thuyết của các

giống tham gia thí nghiệm đạt 44,1 - 48,9 tạ/ha giống L23 đạt năng suất cao nhất.

Năng suất thực thu dao động 31,4 - 35,4 tạ/ha giống TB25 có năng suất vượt năng suất của giống đối chứng Đò Bắc Giang là 4 tạ/ha, các giống còn lại lần lượt có năng suất là: MD9 32,4 tạ/ha, L23 34,8 tạ/ha, A09 32,4 tạ/ha.

KẾT LUẬN

- Thời gian sinh trưởng của các giống lạc tương đối ngắn dao động từ 107 ngày - 112 ngày.

- Khả năng chống chịu sâu bệnh của các giống lạc được trồng vụ xuân trên đất một vụ nhưng sâu bệnh ít (bệnh héo xanh gây chết

chỉ 1,76% - 2,89%, rệp hại lá 8,56% - 12,67% cây bị hại).

- Năng suất của các giống lạc dao động từ 31,4 tạ/ha đến 35,4 tạ/ha trong đó giống TB25 có năng suất cao nhất là đạt 35,4 tạ/ha

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngô Thế Dân (chủ biên), Nguyễn Xuân Hồng và Cs(200), *Kỹ thuật đạt năng suất lạc cao ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp. Hà Nội
- [2]. Đường Hồng Dật (2007) *Cây lạc và biện pháp thâm canh nâng cao hiệu quả sản xuất*, Nxb Thanh hóa
- [3]. Chu Thị Thom, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tô (2006) *Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lạc*, Nxb Nông nghiệp.

SUMMARY

RESULTS FROM TESTING SOME POTENTIAL PEANUT VARIETIES IN SPRING 2009 IN HUU LUNG, LANG SON PROVINCE

Nguyen Viet Hung*, Tran Ngoc Ngoan, Nguyen The Hung

College of Agriculture and Forestry - TNU

Results from an experiment for testing and selecting some potential peanut varieties in spring in Huu Lung District, Lang Son Province indicated that growth duration of the tested peanut varieties varied from 107 to 112 days. They all showed good resistance to pest and diseases. Yields of the tested varieties ranged from 3.14 to 3.54 tons/ha and TB25 had the highest yield of 3.54 tons/ha.

Key words: *Peanut varieties, Spring crop, one-cropping land, persistent capacity, growth duration.*